

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THANH HÀ
TỈNH HẢI DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 26/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 16-6-2020

V/v tranh chấp ly hôn và nuôi con chung

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH HÀ, TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Vũ Thị Nhung.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Công Nhận.

2. Ông Nguyễn Thế Hanh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Hồng- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thanh Hà.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Hà tham gia phiên tòa:
Ông Vũ Văn Tiến - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 6 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thanh Hà xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 63/2020/TLST-HNGĐ ngày 09/3/2020 về việc ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 25/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 11/5/2020 và quyết định hoãn phiên tòa số 10 ngày 28/5/2020 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Ngô Thị H, sinh năm 1990 (có đơn xin xử vắng mặt)

2. *Bị đơn:* Anh Lê Văn T, sinh năm 1983 (vắng mặt)

Đều cư trú tại: Thôn L, xã H1, huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương

3. *Người làm chứng.*

- Bà Ngô Thị Ng1, sinh năm 1949 (đề nghị xử vắng mặt)

- Bà Nguyễn Thị Ng2, sinh năm 1966 (đề nghị xử vắng mặt)

Đều cư trú tại: Thôn L, xã H1, huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn xin ly hôn, bản tự khai, biên bản lấy lời khai, nguyên đơn trình bày: Chị và anh T kết hôn ngày 28/4/2007 trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã H1, huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương. Sau khi kết hôn, vợ chồng chị sống hạnh phúc khoảng 10 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng có nhiều bất đồng về quan điểm sống, anh Tán sống không có trách

nhiệm với gia đình, đi làm không mang tiền về nuôi vợ con, mãi chơi, không tu chí làm ăn. Chị đã khuyên bảo anh T nhiều lần nhưng anh T không những không nghe lời mà còn chửi đánh chị. Không thể tiếp tục chung sống cùng anh T, từ đầu năm 2018 chị đã bỏ về nhà đẻ ở. Đến nay chị xác định không còn tình cảm với anh T nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị ly hôn với anh T.

Về con chung: Vợ chồng chị có 02 con chung là Lê Xuân Đ, sinh ngày 23/2/2007 và Lê Thị Phương Th sinh ngày 11/9/2010. Hiện cháu Đ đang ở cùng anh T, còn cháu Th đang ở cùng chị. Khi ly hôn, chị xin nuôi cả hai con chung và tự nguyện không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con. Nếu không được nuôi cả hai con thì chị xin nuôi cháu Th, còn cháu Đ giao cho anh T nuôi dưỡng, không ai phải cấp dưỡng nuôi con cho ai. Hiện nay chị làm công nhân, thu nhập trung bình một tháng là 6 triệu đồng.

Về tài sản chung, công sức, nợ chung: Không có nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn trình bày về việc đăng ký kết hôn, con chung như chị H trình bày. Vợ chồng anh không có mâu thuẫn gì. Chị H xin về nhà bố mẹ đẻ chơi rồi ở luôn đó từ tháng 5/2018 đến nay, anh nhiều lần đến đón nhưng chị H nhất định không chịu về. Anh không nhất trí ly hôn vì thương con và vẫn còn tình cảm với chị H. Tuy nhiên anh không có giải pháp gì để vợ chồng đoàn tụ. Hiện nay anh làm tàu cát, thu nhập trung bình một tháng là 8 triệu đồng. Nếu vợ chồng ly hôn, anh đề nghị Tòa án giải quyết theo nguyện vọng của con, anh tự nguyện không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung, công sức, nợ chung: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Cháu Đ có nguyện vọng xin được ở với bố, cháu Th có nguyện vọng xin được ở với mẹ khi bố mẹ ly hôn.

* Lời khai của bà Ng1 (là mẹ đẻ anh T) thể hiện: Vợ chồng anh T, chị H có mâu thuẫn nhưng chỉ là mâu thuẫn nhỏ. Trong quá trình chung sống, vợ chồng anh chị cũng thường xuyên cãi nhau. Chị H xin phép về bố mẹ đẻ chơi rồi ở luôn từ tháng 5/2018 đến nay không chịu về gia đình chồng. Nếu vợ chồng ly hôn, đề nghị Tòa án giao cháu Đ cho anh T nuôi dưỡng vì hiện nay cháu Đ đang ở cùng với anh T và bà. Bà sẽ hỗ trợ anh T chăm sóc cháu Đ.

Lời khai của người làm chứng là bà Ng2 cũng như tài liệu xác minh tại chính quyền địa phương thể hiện: Trong quá trình chung sống, vợ chồng chị H, anh T đã nảy sinh nhiều mâu thuẫn, khó có khả năng đoàn tụ. Nguyên nhân chủ yếu do vợ chồng bất đồng về quan điểm sống, anh T chơi bời, không tu chí làm ăn nên vợ chồng thường xuyên xô xát, cãi chửi nhau, thậm chí anh T còn đánh chị H. Vợ chồng đã sống ly thân gần hai năm nay, không ai quan tâm đến ai. Về con chung, đề nghị Tòa án căn cứ vào nguyện vọng của các con và lời khai của đương sự để giải quyết theo quy định.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt.

Đại diện VKSND huyện Thanh Hà phát biểu ý kiến: Việc chấp hành pháp luật của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử (viết tắt: HĐXX) và nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; bị đơn chưa chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về quan điểm giải quyết vụ án, đề nghị HĐXX áp dụng Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 luật Hôn nhân và gia đình; Điều 227, Điều 228, Điều 229, Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự: Về quan hệ hôn nhân, xử chị H ly hôn anh T. Về con chung: Giao con chung là Lê Xuân Đ, sinh ngày 23/2/2007 cho anh T nuôi dưỡng; giao con chung là Lê Thị Phương Th, sinh ngày 11/9/2010 cho chị H nuôi dưỡng. Chị H, anh T không phải cấp dưỡng nuôi con cho nhau. Nguyên đơn phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu hồ sơ vụ án được thẩm tra công khai tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. *Về tố tụng:* Tại phiên tòa, nguyên đơn, người làm chứng vắng mặt nhưng trước đó đã đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt; bị đơn đã được triệu tập hợp lệ 02 lần nhưng vắng mặt tại phiên tòa. Vì vậy Tòa án xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn, người làm chứng theo quy định tại Điều 227, 228, 229 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. *Về quan hệ hôn nhân:* Chị H, anh T có đăng ký kết hôn tại UBND xã H1, huyện Thanh Hà trên cơ sở tự nguyện nên là hôn nhân hợp pháp. Căn cứ các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử thấy: Trong quá trình chung sống, vợ chồng chị H, anh T có phát sinh nhiều mâu thuẫn, vợ chồng thường xuyên cãi chửi nhau, thậm chí có lần anh T còn đánh chị H. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng có nhiều bất đồng về quan điểm sống; anh T không tu chí làm ăn, chưa quan tâm tới vợ con. Thực tế vợ chồng anh T, chị H đã sống ly thân từ lâu, không ai quan tâm đến ai. Anh T muốn vợ chồng được đoàn tụ nhưng lại không đưa ra được giải pháp nào để cải thiện tình trạng vợ chồng. Nay chị H xác định không còn tình cảm với anh T nên kiên quyết xin ly hôn với anh T. Như vậy, tình trạng hôn nhân của chị H, anh T đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện, xử chị H ly hôn anh T là phù hợp với quy định của Luật hôn nhân và gia đình.

[3]. *Về quan hệ con chung:* Vợ chồng chị H, anh T có 02 con chung là Lê Xuân Đ, sinh ngày 23/2/2007 và Lê Thị Phương Th, sinh ngày 11/9/2010. Quá trình giải quyết vụ án, cháu Đ có nguyện vọng xin ở với bố, cháu Th xin ở với mẹ. Ý kiến của anh T đề nghị Tòa án tôn trọng nguyện vọng của các con. Xét thấy cháu Đ hiện nay đang ở với bố, cháu Th đang ở với mẹ. Chị H cũng có quan điểm xin được nuôi cháu Th nếu không được nuôi cả hai con. Để đảm bảo sự ổn định của các con, đồng thời đảm bảo quyền và nghĩa vụ nuôi dưỡng con chung của cha mẹ

sau ly hôn, HĐXX thấy cần giao cháu Đ cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng, và giao cháu Th cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng. Anh T, chị H không phải cấp dưỡng tiền nuôi con cho nhau.

[4]. *Về tài sản, công sức, nợ chung*: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết, vì vậy HĐXX không xem xét.

[5]. *Về án phí*: Nguyên đơn phải chịu án phí ly hôn theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 luật Hôn nhân và gia đình; Điều 227, Điều 228, Điều 229, Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử chị Ngô Thị H ly hôn anh Lê Văn T.

2. Về con chung: Giao con chung là Lê Xuân Đ, sinh ngày 23/2/2007 cho anh Lê Văn T trực tiếp nuôi dưỡng; giao con chung là Lê Thị Phương Th, sinh ngày 11/9/2010 cho chị Ngô Thị H trực tiếp nuôi dưỡng đến khi con chung thành niên. Chị H, anh T không phải cấp dưỡng tiền nuôi con cho nhau.

Chị H, anh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị H phải chịu 300.000đ án phí sơ thẩm ly hôn, được đối trừ 300.000đ tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số AA/2017/0008994 ngày 04/3/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương; chị Hồng đã thi hành xong nghĩa vụ về án phí.

4. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Thanh Hà;
- Chi cục THADS huyện Thanh Hà;
- Các đương sự;
- UBND xã H1, huyện Thanh Hà;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Vũ Thị Nhung